

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN BÌNH TÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1143/2018/DS-ST

Ngày: 27-11-2018

V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH TÂN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Lệ Hoa.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đỗ Thị Giang.
2. Bà Trần Thị Mỹ Hồng.

- Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Trần Thị Trúc Ly – Là thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Bạch Ngọc Hiếu – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 452/2018/TLST-DS, ngày 30 tháng 05 năm 2018, về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 413/2018/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 10 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 389/2018/QĐST-DS ngày 07 tháng 11 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần SGTT; Trụ sở: L8, 266-268 NKKN, P 8, Q 3, Thành phố Hồ Chí Minh; Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D; Chức danh: Tổng giám đốc; Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Đức Th; Sinh năm: 1984.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Cao Chí C, Sinh năm: 1972; Địa chỉ: 13 đs 53, phường TT, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn – Ngân hàng Thương mại Cổ phần SGTT có Ông Trần Đức Th là đại diện theo ủy quyền trình bày như sau:

Ngày 08/10/2010 Ông Nguyễn Cao Chí C có ký với Ngân hàng Thương mại Cổ phần SGTT (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao

gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng - các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng), hạn mức tín dụng là 30.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất là 2,15%/ tháng. Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, ông C đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 64.235.194 đồng.

Lãi được tính trên từng giao dịch phát sinh theo từng ngày và theo lãi suất Ngân hàng áp dụng vào từng thời điểm khác nhau (theo Điều 22 của bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Ông C phải chịu các khoản phí theo quy định tại Điều 24 của bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, chi tiết lãi, phí trong sao kê tóm tắt.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông C đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 64.595.233 đồng (chi tiết các lần thanh toán trong bảng sao kê tóm tắt đính kèm). Tổng số tiền trên được thanh toán áp dụng theo Điều 20 của bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng cụ thể việc thanh toán sẽ được áp dụng theo thứ tự như sau:

- + Các khoản phí và/ hoặc lãi của kỳ trước.
- + Giao dịch rút tiền mặt của kỳ trước.
- + Giao dịch mua hàng hóa của kỳ trước.
- + Các khoản phí và/ hoặc lãi trong kỳ.
- + Giao dịch rút tiền mặt trong kỳ.
- + Giao dịch mua hàng hóa trong kỳ.

Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông C vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông C vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), ngày 23/09/2014 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 23 của bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ tại thời điểm này là 26.607.580 đồng làm nợ gốc, áp dụng lãi suất nợ quá hạn (là 150% của lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại).

Tính đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm (27/11/2018), ông C còn nợ các khoản sau: Nợ gốc là 26.607.580 đồng; Nợ lãi quá hạn là 43.774.821 đồng (Số tiền lãi quá hạn được tính trên số tiền nợ gốc 26.607.580 đồng với lãi suất quá hạn là 3,225%/ tháng ($2,15\% \times 150\%$) từ ngày Ngân hàng chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn cho đến hiện tại).

Tổng cộng số tiền yêu cầu bị đơn phải trả là 70.382.401 đồng, đồng thời yêu cầu ông C phải tiếp tục thực hiện việc trả lãi phát sinh sau ngày 27/11/2018 cho đến khi trả dứt nợ, lãi suất theo thỏa thuận tại hợp đồng hai bên đã ký kết.

Yêu cầu ông C thanh toán một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật số tiền nói trên.

Bị đơn – Ông Nguyễn Cao Chí C vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa hôm nay,

Nguyên đơn - Ngân hàng Thương mại Cổ phần SGTTC có Ông Trần Đức Th là người đại diện theo ủy quyền có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn – Ông Nguyễn Cao Chí C vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu: Thẩm phán và Hội đồng xét xử tiến hành tố tụng theo đúng trình tự, thủ tục do pháp luật quy định, vụ án thụ lý đúng thẩm quyền, thời hạn chuẩn bị xét xử chưa đảm bảo đúng thời hạn quy định tại khoản 1 Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn vắng mặt không có lý do. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn – Ngân hàng Thương mại Cổ phần SGTTC khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng với bị đơn là Ông Nguyễn Cao Chí C; ông C có hộ khẩu thường trú tại quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh theo khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Vụ án thuộc trường hợp Viện Kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa theo khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn - Ngân hàng Thương mại Cổ phần SGTTC có Ông Công Trần Đức Th là đại diện theo ủy quyền có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án. Bị đơn - Ông Nguyễn Cao Chí C đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, căn cứ vào quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

Mặc dù Tòa án đã nhiều lần triệu tập Ông Nguyễn Cao Chí C đến Tòa án để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật nhưng ông C vẫn vắng mặt không có lý do. Có nghĩa là, ông C đã tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình, nên ông C phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, thì: *“Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”*. Vì vậy, Hội đồng xét xử lấy yêu cầu khởi kiện, lời khai của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để xem xét giải quyết vụ án.

Do cá nhân Ông Nguyễn Cao Chí C giao dịch với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu cá nhân ông C trả nợ mà không yêu cầu vợ ông C cùng liên đới trả nợ. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đưa vợ ông C vào tham gia tố tụng trong vụ án này với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; cũng không xem xét đến trách nhiệm liên đới giữa ông C và vợ của ông C để trả nợ cho nguyên đơn do nguyên đơn không yêu cầu.

Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín Hội đồng xét xử thấy rằng: Ngày 08/10/2010, Ngân hàng Thương mại Cổ phần SGT-T và Ông Nguyễn Cao Chí C ký Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng số 5123 4100 0069 3517, kèm theo bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng. Tại thời điểm ký kết, pháp luật điều chỉnh quan hệ hợp đồng giữa các bên đương sự là Luật các tổ chức tín dụng (Luật số 47/2010/QH12 ngày 16/10/2010), Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng ban hành kèm theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN, ngày 31 tháng 12 năm 2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Văn bản số 20/VBHN-NHNN ngày 20/5/2014 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc ban hành quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

Xét về hình thức, Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng tín dụng kèm theo bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng nói trên được lập thành văn bản, phù hợp với quy định tại Điều 17 Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng.

Về mặt nội dung, chủ thể giao kết Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín là một tổ chức tín dụng trong nước, được thành lập và hoạt động theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng và các quy định khác của pháp luật và được phép cấp tín dụng tiêu dùng; tại thời điểm ký hợp đồng, ông C có đầy đủ năng lực hành vi dân sự. Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín và ông C tự nguyện giao kết hợp đồng. Do đó, hợp đồng phát sinh quyền và nghĩa vụ của hai bên.

Theo thỏa thuận trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng kèm theo bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín đồng ý cấp hạn mức tín dụng cho Ông Nguyễn Cao Chí C số tiền 30.000.000 (Ba mươi triệu) đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất là 2.15%/tháng. Hàng tháng, ông C nhận được hóa đơn thanh toán và bảng thông báo giao dịch ghi rõ các giao dịch thẻ, các khoản phí, lãi, tổng số dư nợ, số tiền thanh toán tối thiểu, ngày đến hạn thanh toán... và nếu Ngân hàng không nhận được bất cứ thông báo hoặc thắc mắc nào của ông C thì xem như ông C đã chấp nhận thanh toán theo các giao dịch nêu trong hóa đơn. Ông C chịu trách nhiệm thanh toán đúng hạn, đầy đủ tổng số dư nợ liên quan đến việc sử dụng thẻ. Thực hiện hợp đồng, ngày 08/10/2010, Ngân hàng đã phát hành thẻ tín dụng Master Card cho người sử dụng thẻ là Ông Nguyễn Cao

Chí C, số thẻ 5123 4100 0069 3517, ông C đã ký tên trên giấy xác nhận thẻ và cam kết thực hiện theo hợp đồng, theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng kèm theo bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng. Quá trình sử dụng, ngay trong tháng 10/2010, ông C đã dùng thẻ để thực hiện các giao dịch phát sinh tính với số tiền là: 64.235.194 đồng. Ông C đã thực hiện việc thanh toán cho Ngân hàng số tiền là 64.595.233 đồng và không trả tiếp số tiền nợ còn lại. Ngày 23/9/2014 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển sang nợ quá hạn. Số tiền nợ gốc còn lại là 26.607.580 đồng. Tính đến ngày 27/11/2018 số tiền lãi phát sinh là 43.774.821 đồng. Tổng cộng nợ gốc và lãi, phí còn thiếu là 70.382.401 đồng. Nay ngân hàng yêu cầu Ông Nguyễn Cao Chí C phải có trách nhiệm thanh toán khoản tiền 70.382.401 đồng, Hội đồng xét xử nhận thấy: Căn cứ Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng do ông C ký ngày 08/10/2010 đã được Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín phê duyệt và các tóm tắt sao kê thì có đủ căn cứ chứng minh Ngân hàng đã cấp cho ông C thẻ tín dụng số 5123 4100 0069 3517 với hạn mức là 30.000.000 đồng. Do ông C vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ sang nợ quá hạn và khởi kiện là có căn cứ theo thỏa thuận giữa hai bên và phù hợp với khoản 1 Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng: *“Tổ chức tín dụng có quyền chấm dứt việc cấp tín dụng, thu hồi nợ trước hạn khi phát hiện khách hàng cung cấp thông tin sai sự thật, vi phạm các quy định trong hợp đồng cấp tín dụng”*. Ông C không có ý kiến phản đối lời khai của người đại diện cho nguyên đơn về số tiền nợ gốc và tiền lãi nói trên, nên căn cứ khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự, nguyên đơn không phải chứng minh về số tiền nợ mà ông C còn nợ. Do đó chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, yêu cầu bị đơn phải thanh toán số tiền là 70.382.401 đồng.

Do bị đơn đã vi phạm thời hạn thanh toán đã lâu mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần nhắc nhở thanh toán nên yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn trả tiền ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật là chính đáng, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn tiếp tục chịu lãi phát sinh từ ngày 28/11/2018 trên số dư nợ gốc thực nợ theo mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng cho đến khi thanh toán hết nợ gốc, Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu này phù hợp với thỏa thuận của các bên được quy định tại Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ của Ngân hàng nên có đủ cơ sở để chấp nhận.

Tại hợp đồng tín dụng có ghi ông C có vợ là bà Võ Kiều Trang, bà Trang không ký tên vào hợp đồng tín dụng, phía nguyên đơn cũng xác định chỉ cho ông C vay và cũng không yêu cầu vợ ông C liên đới cùng ông C trả nợ, nên không xem xét đến trách nhiệm liên đới giữa ông C và vợ để trả nợ cho nguyên đơn.

Đối với ý kiến phát biểu tại phiên tòa của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh thấy rằng, các ý kiến và đề nghị của

đại diện Viện Kiểm sát về hình thức và nội dung là phù hợp quy định của pháp luật, nên chấp nhận. Riêng ý kiến về việc hồ sơ vi phạm thời hạn xét xử, do hồ sơ có thu thập chứng cứ nên thời gian giải quyết vụ án bị kéo dài, do đó đã vi phạm thời hạn xét xử.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Do được chấp nhận yêu cầu nên Ngân hàng Thương mại Cổ phần SGTT không phải nộp án phí, hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần SGTT toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Ông Nguyễn Cao Chí C phải nộp án phí là 3.519.120 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 21, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 91 và khoản 1 Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 (Luật số 47/2010/QH12 ngày 16/10/2010 của Quốc Hội);

Căn cứ Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng ban hành kèm theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN, ngày 31 tháng 12 năm 2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Văn bản số 20/VBHN-NHNN ngày 20/5/2014 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc ban hành quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần SGTT về việc yêu cầu Ông Nguyễn Cao Chí C trả số tiền nợ gốc là 26.607.580 (Hai mươi sáu triệu sáu trăm linh bảy nghìn năm trăm tám mươi) đồng, số tiền nợ lãi là 43.774.821 (Bốn mươi ba triệu bảy trăm bảy mươi bốn nghìn tám trăm hai mươi một) đồng, phát sinh từ Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng số 5123410000693517, ngày 08/10/2010 giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín với Ông Nguyễn Cao Chí C.

2. Buộc Ông Nguyễn Cao Chí C phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần SGTT số tiền nợ gốc là 26.607.580 (Hai mươi sáu triệu sáu trăm linh bảy nghìn năm trăm tám mươi) đồng, số tiền nợ lãi là 43.774.821 (Bốn mươi ba triệu bảy trăm bảy mươi bốn nghìn tám trăm hai mươi một) đồng. Trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Đồng thời, Ông Nguyễn Cao Chí C phải tiếp tục chịu lãi, phí phát sinh từ ngày 28/11/2018 theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng số 5123410000693517, ngày 08/10/2010 mà hai bên ký kết cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ngân hàng Thương mại Cổ phần SGTT không phải nộp. Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần SGTT (do Ông Trần Đức Th nộp) số tiền tạm ứng án phí là 1.594.378 (Một triệu năm trăm chín mươi bốn nghìn ba trăm bảy mươi tám) đồng theo biên lai số 0029388, ngày 29/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông Nguyễn Cao Chí C phải nộp án phí sơ thẩm là 3.519.120 (Ba triệu năm trăm mười chín nghìn một trăm hai mươi) đồng.

Các đương sự thi hành án tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

4. Quyền và thời hạn kháng cáo, kháng nghị: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được thông đạt hợp lệ. Viện Kiểm sát cùng cấp và cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP. HCM;
- VKSND quận Bình Tân;
- Thi hành án dân sự quận Bình Tân;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đoàn Thị Lệ Hoa